

Nón lá Việt Nam

Việt Nam là một vùng nhiệt đới, nắng lắm mưa nhiều. Vì vậy chiếc nón đội đầu là vật không thể thiếu được để che nắng che mưa.

“Nón này che nắng che mưa

Nón này để đội cho vừa đôi ta”



Nón Việt Nam có lịch sử rất lâu đời. Hình ảnh tiền thân của

chiếc nón đã được chạm khắc trên trống đồng Ngọc Lũ, trên thạp đồng Đào Thịnh vào 2500-3000 năm về trước. Từ xa xưa, nón đã hiện diện trong đời sống hàng ngày của người Việt Nam, trong cuộc chiến đấu giữ nước, qua nhiều chuyện kể và tiểu thuyết. Theo sự phát triển của lịch sử qua các thời đại, nón cũng có nhiều biến đổi về kiểu dáng và chất liệu. Lúc đầu khi chưa có dụng cụ để khâu thắt, nón được tết đan. Còn loại nón khâu như ngày nay xuất hiện phải nhờ đến sự ra đời của chiếc kim, tức là vào thời kỳ người ta chế luyện được sắt (khoảng thế kỷ thứ 3 trước công nguyên).

Theo lời các cụ, trước kia người ta phân thành 3 loại nón cổ có tên gọi nón mười (hay nón ba tầm), nón Nhỡ và nón Sáu. Nhìn chung nón cổ vành rộng, tròn, phẳng như cái mâm. Ở vành ngoài cùng có đường viền quanh làm cho nón có hình dáng giống như cái chiêng. Giữa lòng có đính một vòng nhỏ đan bằng giang vừa đủ ôm khít đầu người đội. Nón ba tầm có vành rộng nhất. Phụ nữ thời xưa thường đội nón này đi chơi

hội hay lên chùa. Nón đầu là loại nhỏ nhất và đường viền thành vòng quanh cũng thấp nhất. Trước kia người ta còn phân loại nón theo đẳng cấp của người chủ sở hữu nón. Các loại nón dành cho ông già, có loại cho nhà giàu và hàng nhà quan, nón cho trẻ em, nón cho lính tráng, nón nhà sư...

Nón lá ở Việt Nam có nhiều loại khác nhau qua từng giai đoạn lịch sử:

- Nón đầu: Nón có chóp nhọn của lính thú thời xa xưa
- Nón gò găng hay nón ngựa: Sản xuất ở Bình Định làm bằng lá dừa đội khi cỡi ngựa.
- Nón rơm: Nón làm bằng cộng rơm ép cứng.
- Nón quai thao: người miền Bắc thường dùng trong lễ hội.
- Nón cời: Nón rách
- Nón gõ: Nón gõ làm bằng tre ghép cho lính hồi xưa.
- Nón lá sen: Cũng gọi là nón liên diệp.
- Nón thúng: Thứ nón lá tròn bầu giống cái thúng.
- Nón khoa: Viên đầu nón của người hầu các quan xưa.

- Nón chảo: Thứ nón mo tròn lên như cái chảo úp nay ở Thái Lan còn dùng.

- Nón cạp: Nón xuân lô đại dành cho người có tang.

- Nón bài thơ: Ở Huế thứ nón lá trắng và mỏng có lồng hình hay một vài câu thơ v.v...



Áo yếm và nón quai thao là trang phục truyền thống của Việt Nam

Ở Việt Nam, cả 3 miền Bắc, Trung, Nam đều có những vùng làm nón nổi tiếng và mỗi loại nón ở từng địa phương đều mang sắc thái riêng. Nón Lai Châu của đồng bào Thái; nón Cao Bằng của đồng bào Tày sơn đỏ; nón Thanh Hoá có 16-20 vành; nón Ba Đồn (Quảng Bình) mỏng nhẹ và giáng thanh thoát; nón Gò Găng (Bình Định); nón Huế nhẹ nhàng, thanh mỏng nhờ lót bằng lá mỏng; nón làng Chuông (Thanh Oai, Hà Tây) là loại nón bền đẹp vào loại nhất ở vùng đồng bằng Bắc Bộ.

Nguyên liệu làm nón không phức tạp. Ở nơi nào cũng vậy, muốn làm được một chiếc nón phải dùng lá của một loại cỏ nhỏ mọc hoang, dùng sợi nón – một loại sợi rất dai lấy từ bẹ cây móc (ngày nay người ta thường dùng sợi chỉ nilon) và tre. Tàu lá nón khi đem về vẫn còn xanh răn reo, được đem là bằng cách dùng một miếng sắt được đốt nóng, đặt lá lên dùng nắm dẻ vuốt cho phẳng. Lửa phải vừa độ, nếu nóng quá thì bị

ròn, vàng cháy, nguội quá lá chỉ phẳng lúc đầu, sau lại răn như cũ. Người ta đốt diêm sinh hơi cho lá trắng ra, đồng thời tránh cho lá khỏi mốc.



Tre chọn ống dài vuốt nhọn, gác lên dàn bếp hong khói